

hóa thực phẩm được kinh doanh tại các siêu thị, hầu hết đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được công bố hợp quy hoặc chứng nhận bảo đảm ATTP của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Tại các siêu thị, trung tâm thương mại kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm đều đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Hàng hóa thực phẩm được kinh doanh tại các siêu thị, trung tâm thương mại hầu hết đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được công bố hợp quy hoặc chứng nhận bảo đảm ATTP của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Quản lý ATTP đối với các chợ, siêu thị: Lực lượng Quản lý thị trường thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại các chợ, siêu thị trên địa bàn quản lý. Các cá nhân kinh doanh thực phẩm trong chợ cũng được phổ biến, tuyên truyền kiến thức về ATTP; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

1.2- Tồn tại, hạn chế

- Việc quản lý ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ là một khó khăn rất lớn trong thực trạng sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản Việt Nam (với số lượng trên 10 triệu hộ, diện tích canh tác bình quân nhỏ khoảng 0,3ha/1 hộ). Để thực hiện quản lý đối tượng này đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền địa phương, đồng thời cũng đòi hỏi việc tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh phương thức quản lý cho phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn theo nguyên tắc ngăn chặn nguy cơ ATTP ngay từ các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất.

- Số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhiều và thường xuyên biến động, phần lớn quy mô nhỏ lẻ, manh mún, cá nhân/hộ gia đình là chủ yếu, một số lớn sản xuất, kinh doanh mang tính thời vụ nên việc kiểm soát và cải thiện các điều kiện bảo đảm ATTP gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm với quy mô rất lớn với loại hình là hộ kinh doanh.

- Chế tài xử phạt cho các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ không có đăng ký kinh doanh và không có cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn chưa có, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý.

- Trách nhiệm quản lý chợ thuộc về ngành Công thương (trừ chợ đầu mối) tuy nhiên, trong chợ kinh doanh nhiều mặt hàng, ngành hàng liên quan đến ngành nông nghiệp, Y tế (dịch vụ ăn uống), trong khi đó nhân lực không đủ để kiểm soát, quản lý.

- Nguy cơ không bảo đảm ATTP, NĐTP đối với các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP rất cao do không có tổ chức đánh giá, chứng nhận việc tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện ATTP, trong khi biện

pháp hậu kiểm chưa thực sự có hiệu quả (do thiếu nguồn lực trong công tác bảo đảm ATTP,...).

- Tại các chợ kinh doanh thực phẩm chưa kiểm soát được nguồn hàng từ nơi sản xuất, đặc biệt đối với các mặt hàng thực phẩm tươi sống; cơ quan thú y mới kiểm tra được mặt hàng thịt heo và thịt gia cầm còn lại các mặt hàng khác chưa thực hiện kiểm tra được. Hầu hết các chợ đều chưa được trang bị các thiết bị kiểm tra nhanh (các kit, test,..) các loại thực phẩm. Tại địa phương chưa có chợ đầu mối, chưa rõ đầu mối chịu trách nhiệm về ATTP tại chợ, việc kiểm soát xuất xứ hàng hóa trong chợ đầu mối còn khó khăn.

- Công tác quản lý ATTP đối với sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, thức ăn đường phố tại địa phương còn nhiều khó khăn do văn bản hướng dẫn còn thiếu, quy mô cơ sở nhỏ lẻ, hộ gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn. Công tác giám sát hỗ trợ, duy trì, đánh giá và nhân rộng mô hình điểm về ATTP có nhiều thời điểm bị gián đoạn do kinh phí không đủ nên phải ưu tiên các hoạt động khác.

- Việc kiểm tra các cơ sở vẫn còn chưa được chặt chẽ, nhiều cơ sở vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định nhưng cơ quan chức năng vẫn chưa xử lý được triệt để. Chưa thực hiện kiểm tra được việc người trực tiếp sản xuất, chế biến thực phẩm có mắc các bệnh truyền nhiễm theo quy định hay không do không có kinh phí; văn bản pháp luật cũng không quy định cụ thể là các cơ sở phải thực hiện lấy mẫu xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm.

- Việc tập huấn kiến thức ATTP cho người trực tiếp chế biến cũng không quản lý được do quy định của pháp luật không cụ thể. Không có bộ công cụ để kiểm tra người chế biến có đủ kiến thức ATTP hay không.

- Việc kiểm soát chất lượng, nguồn gốc các mặt hàng nông sản, hàng giả, thực phẩm không rõ nguồn gốc tại các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích gặp khó khăn.

2- Quản lý thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống.

2.1- Kết quả đạt được:

Theo Luật an toàn thực phẩm, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp tỉnh và UBND cấp tỉnh đã thực hiện phân cấp quản lý đối với loại hình này. UBND các cấp cơ bản đã thống kê, quản lý, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và kiểm tra, hậu kiểm đối với cơ sở được phân công quản lý. Các cơ sở nhà hàng, khách sạn, các công ty cung cấp dịch vụ bữa ăn cho khu công nghiệp, trường học thực hiện tương đối nghiêm túc về kiểm soát nguyên liệu, quy trình chế biến. Hàng năm các đơn vị tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tốt các quy định về đảm bảo ATTP;

xây dựng các mô hình điểm đảm bảo ATTP, phòng chống NĐTP và các bệnh truyền qua thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, cơ sở kinh doanh dịch ăn uống.

2.2- Tồn tại, hạn chế:

- Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố giao cho UBND các xã, phường, thị trấn quản lý, còn gặp nhiều khó khăn trong quản lý (kinh doanh loại hình này nhiều người từ nơi khác đến, không thuộc đối tượng quản lý của xã, không có địa điểm kinh doanh cố định, thời gian kinh doanh không ổn định, trang thiết bị thiếu thốn, thiếu nước sạch, không được trang bị kiến thức về ATTP...). Công tác quản lý chỉ mang tính hướng dẫn, nhắc nhở, không thực hiện xử lý, xử phạt răn đe. Vì vậy vẫn còn khá nhiều cơ sở vì lợi nhuận trước mắt, vì sự hiểu biết hạn chế, tính cố chấp cao vẫn sản xuất, kinh doanh thức ăn đường phố, dịch vụ ăn uống không bảo đảm về cách li nguồn ô nhiễm, nguồn nguyên liệu, nguồn nước sạch, thực hành vệ sinh...

- Các cấp chính quyền địa phương, đôi khi chưa nêu cao vai trò, trách nhiệm trong việc quản lý các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố, vẫn còn tình trạng cơ sở kinh doanh thực phẩm nhiều năm, với số lượng lớn trên địa bàn mà không được cấp giấy Đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP gây ngộ độc hàng loạt.

- Một số cơ sở, doanh nghiệp, tổ chức chưa phát huy được vai trò của các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, ban phụ huynh trong công tác giám sát ATTP, phòng chống NĐTP, đặc biệt đối với bếp ăn tập thể khu công nghiệp, bếp ăn trường học. Định mức khẩu phần ăn cho người lao động tại nhiều nơi còn thấp nên gặp khó khăn trong việc chọn thực phẩm an toàn.

- Kinh phí thực hiện tại tuyến huyện, xã hạn chế nên công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, tuyên truyền trực tiếp tại các cơ sở chế biến, kinh doanh, dịch vụ ăn uống còn hạn chế. Nguồn nhân lực cho hoạt động quản lý ATTP, đặc biệt là ở cấp quận, huyện thiếu về số lượng và phần lớn chưa được đào tạo chuyên môn, chưa có cán bộ chuyên trách, phải kiêm nhiệm quản lý nhiều lĩnh vực, thường xuyên chuyển vị trí công tác khác,...đã làm giảm hiệu quả quản lý ATTP.

3- Quản lý ATTP tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại

3.1- Kết quả đạt được

Bộ Công Thương đã tham mưu ban hành Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856: 2017 - chợ kinh doanh thực phẩm. Sở Công Thương đã chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị, cơ sở kinh doanh thực phẩm tại các chợ áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về chợ kinh doanh thực phẩm. Hiện nay trên cả nước có trên 8.000 chợ đầu mối; 400 chợ loại I, 1200 chợ loại II và hàng trăm siêu thị, trung

tâm thương mại có kinh doanh thực phẩm. Nhìn chung, công tác quản lý ATTP tại các siêu thị, trung tâm thương mại được thực hiện khá tốt, bảo đảm ATTP.

3.2- Tồn tại, hạn chế

- Tại các chợ công tác quản lý ATTP còn hạn chế do diện tích không đảm bảo, không gian dành cho các hộ tiểu thương kinh doanh thực phẩm còn đan xen, lẫn lộn với các mặt hàng khác; trang thiết bị kiểm nghiệm đa số không có hoặc lạc hậu; chưa kiểm soát được nguồn hàng từ nơi sản xuất, đặc biệt đối với các mặt hàng thực phẩm tươi sống. Đa số các chợ cơ sở hạ tầng còn yếu kém hay bị xuống cấp không đáp ứng điều kiện bảo đảm ATTP.

- Việc xây dựng mô hình chợ ATTP ở khu vực trung tâm, đông dân cư đang gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn đầu tư và xây dựng chợ. Nghị định 02/2003/NĐ-CP và 114/2009/NĐ-CP quy định vốn ngân sách địa phương chỉ hỗ trợ đầu tư chợ đầu mối, nông sản, thực phẩm và chợ hạng 2, hạng 3 ở địa bàn miền núi, nông thôn, hải đảo; Việc thu hút các nguồn vốn xã hội hóa cho đầu tư cho chợ hiện nay. Trong khi đó để đạt tiêu chuẩn quốc gia về chợ kinh doanh thực phẩm, các chợ hiện nay cần đầu tư nhiều về cơ sở vật chất.

VIII- Quy định về quản lý ATTP đối với vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm.

1- Kết quả đạt được

Nhìn chung, các cơ sở chế biến quy mô công nghiệp thực hiện các quy định về vật liệu bao gói và chứa đựng thực phẩm cơ bản là tốt. Các quy định về quản lý ATTP đối với vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm hiện đã được quy định cụ thể, các loại bao bì để chứa đựng thực phẩm đều được quản lý và kiểm soát, tùy vào các sản phẩm khác nhau mà phân công trách nhiệm quản lý cho các ngành Y tế, Nông nghiệp, Công Thương. Việc tuân thủ quy định đối với vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm đều được cơ quan chức năng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến trong các buổi nói chuyện, tập huấn hoặc kết hợp trong các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát, thẩm định tại cơ sở.

2- Tồn tại, hạn chế

- Đối với các cơ sở nhỏ lẻ, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tươi sống việc yêu cầu vật liệu bao gói và bao bì chứa đựng thực phẩm phải là loại chuyên dụng trong điều kiện thực tế là không khả thi cần điều chỉnh cho phù hợp.

- Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc sử dụng vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm an toàn vì vậy khi lựa chọn, sử dụng đã không yêu cầu cung cấp các hồ sơ về tự công bố sản phẩm của vật liệu bao gói, bao bì đảm bảo ATTP, có thể gây ảnh hưởng tới

chất lượng sản phẩm.

- Vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm nói chung chưa được kiểm soát chặt chẽ và khó kiểm soát do Luật ATTP quy định các ngành quản lý ATTP đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý nên các bao bì thông dụng như bì PE, bì PP,... có thể sử dụng chung cho nhiều loại thực phẩm vì vậy khó xác định ngành nào quản lý và chưa được quản lý.

- Các quy định chưa phù hợp với sự phát triển do kiểu dáng, chất liệu bao bì có sự thay đổi và cải tiến thường xuyên nên khó áp dụng từ quy định này cho loại bao bì khác nhau.

- Hiện nay trên thị trường, xuất hiện rất nhiều sản phẩm dụng cụ bao gói, chứa đựng thực phẩm có xuất xứ từ nước ngoài được bán tại các chợ, siêu thị và sử dụng nhiều ở các quán giải khát, đồ ăn sẵn, thức ăn đường phố (hộp xốp, ống hút, hộp nilon, túi nilong...) nhưng không được các tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực hiện công bố; việc kiểm tra, kiểm soát các sản phẩm này trên thị trường gặp nhiều khó khăn do không xác định được cơ quan quản lý chính.

- Việc sử dụng các vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm không đảm bảo về chất lượng và không rõ nguồn gốc, xuất xứ còn xảy ra nhiều tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và cả các hộ gia đình. Hiện nay Luật ATTP năm 2010 chưa có quy định cụ thể về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ đối các cơ sở sản xuất vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm; các cơ sở này không thuộc đối tượng không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP nên khó khăn trong công tác rà soát, thống kê và quản lý. Chưa có sự quản lý chặt chẽ về nguồn gốc và chất lượng sản phẩm tại các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ bán vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm; vẫn còn tình trạng một số cơ sở sử dụng bao gói thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh đối với thực phẩm, nhất là đồ ăn sẵn như việc sử dụng các hộp xốp dùng 1 lần, hộp nhựa, cốc nhựa, túi nilon,... không rõ nguồn gốc, xuất xứ và chưa được đánh giá về mức độ phơi nhiễm các chất độc hại vào thực phẩm khi chứa đựng. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ quản lý ATTP còn thiếu và chưa cập nhật phù hợp với tình hình quản lý trên thực tế. Việc giám sát định kỳ đối với các cơ sở này còn gặp khó khăn do cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP). Công tác quản lý cơ sở chủ yếu dựa vào việc cơ sở thực hiện tự công bố sản phẩm. Số lượng cơ sở tăng giảm khó cập nhật do các cơ sở không chủ động thông báo về cơ quan quản lý.

IX- Quy định về quản lý ATTP trong xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm

1- Kết quả đạt được

1.1- Trong xuất khẩu thực phẩm:

- Từ năm 2011 đến nay, Bộ NN&PTNT đã tập trung giải quyết tương đối hiệu quả các rào cản kỹ thuật, giữ vững và mở rộng thị trường xuất khẩu, tháo gỡ kịp thời các khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông thủy sản đảm bảo ổn định xuất khẩu nông lâm thủy sản vào các thị trường truyền thống và khai thông một số thị trường mới. Bộ đã chỉ đạo đón tiếp và làm việc với các đoàn thanh tra của các nước nhập khẩu đánh giá về hệ thống quản lý ATTP. Kịp thời xử lý các vướng mắc trong xuất khẩu nông lâm thủy sản đi các thị trường.

- Tăng cường quan hệ hợp tác trong kiểm soát chất lượng, ATTP, ký kết thỏa thuận hợp tác với cơ quan thẩm quyền các nước nhập khẩu nông lâm thủy sản Việt Nam.

- Kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các rào cản kỹ thuật của các thị trường nhập khẩu, duy trì và mở rộng thêm thị trường mới. Kết quả khởi sắc trong xuất khẩu nông lâm thủy sản giai đoạn 2016 -2021 như: Việt Nam đã được xuất khẩu sữa sang Trung Quốc, mở rộng xuất khẩu nông sản sang một số thị trường mới (xuất khẩu thịt gà sang Nhật; sữa tươi nguyên liệu sang Trung Quốc; thịt lợn mảnh đông lạnh, thịt gà chế biến và tổ yến sang Hồng Kông...; xoài, vú sữa sang Hoa Kỳ; nhãn, vải sang Châu Âu, Nhật Bản, Singapore, Úc; măng cụt sang Trung Quốc...); Tích cực đàm phán, giải quyết các vướng mắc trong xuất khẩu thủy sản, gia tăng số doanh nghiệp được phép xuất khẩu thủy sản sang EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Liên bang Nga (lần lượt là 627, 804, 748, 73 doanh nghiệp); 13 doanh nghiệp tiếp tục được xuất khẩu cá da trơn vào Hoa Kỳ.

1.2- Trong nhập khẩu thực phẩm

- Thực hiện đổi mới phương thức kiểm soát thực phẩm nhập khẩu, Bộ NN&PTNT đã ban hành các văn bản QPPL để kiểm soát từ gốc – từ nước xuất khẩu.

- Về sản phẩm nguồn gốc thực vật: Đã thực hiện kiểm tra, công nhận hệ thống đảm bảo ATTP của 47 nước được phép nhập khẩu sản phẩm có nguồn gốc thực vật vào Việt Nam. Công bố Danh sách các chỉ tiêu ATTP về hoạt chất thuốc BVTV cần kiểm tra trên nông sản, thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu trên cơ sở xác định nguy cơ về ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Từ năm 2011-2021: đã thực hiện kiểm tra ATTP: 653.482 lô với tổng trọng lượng hơn 54.948.478 tấn với hơn 130 loại mặt hàng có nguồn gốc thực vật nhập khẩu.

- Về sản phẩm có nguồn gốc động vật (bao gồm cả thủy sản): Việc thay đổi phương thức kiểm soát ATTP đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật, thủy sản nhập khẩu thông qua việc đăng ký, kiểm tra từ gốc tại nước xuất khẩu để công nhận quốc gia, doanh nghiệp có hệ thống kiểm soát ATTP đáp ứng quy định xuất khẩu sản phẩm vào Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc kiểm soát ATTP nhập khẩu đồng thời là rào cản kỹ thuật và công cụ đàm phán hiệu quả đối với các đối tác nước ngoài trong việc cân bằng cán cân thương mại hàng hóa nông sản.

- Luật An toàn thực phẩm đã quy định điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm nhập khẩu và xuất khẩu (Điều 38, 39, 40, 41, 42 Luật An toàn thực phẩm). Do đó, các quy định này là căn cứ pháp lý cho cơ sở và cơ quan quản lý nhà nước áp dụng khi tham gia sản xuất, kinh doanh, giám sát và xử lý các vi phạm về ATTP (nếu có).

- Công tác quản lý ATTP trong xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm được tăng cường. Các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về công bố sản phẩm đảm bảo theo quy định.

- Thông qua các đoàn kiểm tra cho thấy các cơ sở kinh doanh các sản phẩm nhập khẩu đều có đầy đủ hóa đơn chứng từ và điều kiện cơ sở vật chất bảo quản như tủ lạnh, nhà lạnh đảm bảo ATTP theo quy định. Đối với sản phẩm xuất khẩu có nguồn gốc từ động vật, đối với sản phẩm nguồn gốc thực vật như mơ, măng, thạch đen, cải muối, kiệu... các cơ sở khi xuất khẩu đảm bảo quy định về ATTP trong nước và quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng ISO Quốc tế. Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật đã được cấp mã vùng trồng để xuất khẩu sang Trung Quốc với diện tích 19,33ha cho 6 mã vùng trồng thạch đen.

2- Tồn tại, hạn chế

- Quy định về an toàn phẩm của quốc tế luôn thay đổi dẫn đến việc kịp thời đáp ứng các yêu cầu của nước xuất khẩu còn hạn chế.

- Việc kiểm soát nhập khẩu nông sản qua đường tiểu ngạch và biên giới trên đất liền, trên biển còn hết sức khó khăn nên một số nguồn nông sản nhập lậu không đảm bảo ATTP vẫn còn thâm lậu vào thị trường nội địa gây bức xúc trong nhân dân.

- Công tác kiểm tra nhà nước về hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu: Lượng hàng hóa lớn, phân loại hàng hóa còn hạn chế và đối với thủ tục hành chính về kiểm tra xuất nhập khẩu được thực hiện tại cửa khẩu theo cơ chế một cửa quốc gia. Hiện chỉ có TTHC về Kiểm tra nhà nước ATTP hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu được thực hiện theo cơ chế một cửa quốc gia; Chưa thực hiện được kiểm tra giảm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Trong quá trình thực hiện kiểm tra ATTP nhập khẩu còn gặp nhiều khó khăn về nhân lực và kinh phí thực hiện giám sát ATTP, đặc biệt khi chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Việc giao nhiều đầu mối tham gia thực hiện kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu là bất cập đối với công tác quản lý. Trong khi đó không quy định mối liên quan giữa đơn vị thực hiện kiểm tra với cơ quan thường trực quản lý ATTP trên địa bàn là Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, nên không nắm bắt thường xuyên, toàn diện được kết quả công tác kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu.

B- VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP, GIẤY TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY; QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP.

I- Việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

1- Kết quả đạt được

- Từ năm 2011, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/03/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản (sau được thay thế bằng Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014, nay là Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP). Trong giai đoạn 2011 -2016 tổng số cơ sở được kiểm tra đạt yêu cầu và được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP là 26.342 (chiếm 58%). Trong giai đoạn 2016-2021, tổng số cơ sở được thẩm định cấp giấy chứng nhận và định kỳ là 73.380 cơ sở (chiếm 93,4%).

- Theo phân cấp, Bộ Y tế tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng hoặc không đúng đối tượng sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định; Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

(chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

- Tính đến năm 2023, Bộ Y tế đã cấp được 421 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe .

- Trong giai đoạn 2011 -2021, Bộ Y tế đã thu hồi 21 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Đối với Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện

ATTP đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ năm 2019 đến năm 2023 đã thu hồi 05 Giấy.

- Công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP tại các địa phương có nhiều tiến bộ, tỷ lệ cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP ngày càng được nâng cao. Việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm được thực hiện theo hướng dẫn và quy định của bộ, ngành. Ngoài ra, phần lớn tại tuyến tỉnh ở các địa phương đã xây dựng và đưa vào hoạt động quy trình giải quyết thủ tục hành chính công cấp độ 3, cấp độ 4 trên cổng dịch vụ công của UBND tỉnh. Quy trình tiếp nhận và thời gian xử lý hồ sơ tại cơ quan chức năng đơn giản, nhanh chóng, tạo cơ chế thông thoáng cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết thủ tục.

- Các cơ quan quản lý luôn rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc lập hồ sơ, thẩm định cấp giấy chứng nhận về ATTP như hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP quy định tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế

2-Tồn tại, hạn chế

- Về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Quy định về hồ sơ phải nộp khi đăng ký quá nhiều thành phần hồ sơ không còn phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính (như hồ sơ về Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm và Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo nguyên tắc hậu kiểm (cơ quan thực hiện có thể thẩm định, kiểm tra nội dung này tại cơ sở).

- Chưa có quy định cụ thể, thống nhất về hoạt động kiểm tra sau cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (hiện nay ba Bộ thực hiện khác nhau: Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định định kỳ, Bộ Y tế và Bộ Công Thương chỉ lựa chọn để đi hậu kiểm).

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm còn gặp những lúng túng, bất cập trong việc lựa chọn cơ quan nào quản lý do sản phẩm của doanh nghiệp không được đề cập Phụ lục danh mục sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của 03 Bộ, đồng thời sản phẩm đang sản xuất, kinh doanh lại thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan khác nhau.

- Việc đáp ứng các yêu cầu về điều kiện ATTP của các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình còn hạn chế.

- Còn một số vướng mắc trong quy định pháp lý như: quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn trong cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trong Nghị định số 15/2018/NĐ-CP chưa rõ ràng gây khó khăn quá trình thực hiện. Theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP thì cơ sở sản xuất kinh doanh đa ngành nghề thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Bộ ngành trở lên khi cơ sở tự chọn hoặc bộ ngành được phân công quản lý thực hiện các thủ tục hành chính như cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hay xác nhận kiến thức... hiện chưa có hướng dẫn của liên Bộ để thực hiện về mẫu biên bản thẩm định hay trình tự hồ sơ xác nhận kiến thức.

- Về điều kiện, hạ tầng sản xuất: Tại tuyến tỉnh, Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh đa phần thuộc diện thủ công có quy mô nhỏ lẻ, số lượng các cơ sở thường xuyên biến động gây khó khăn trong công tác rà soát, quản lý. Mặt khác, do quy mô nhỏ lẻ, manh mún hộ gia đình nên khó khăn trong việc chấp hành và đáp ứng đầy đủ các quy định về điều kiện ATTP trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm. Một số cơ sở không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện (bếp ăn tập thể doanh nghiệp, cơ sở giáo dục) vì không có giấy đăng ký kinh doanh với ngành nghề phù hợp, nhưng theo yêu cầu từ phía đối tác của doanh nghiệp cơ sở vẫn mong muốn được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện, điều này gây khó khăn đối với các cơ quan quản lý trên địa bàn.

- Đối với Bộ NN&PTNT: Mặc dù tỉ lệ cấp Giấy chứng nhận ATTP ngày càng tăng cao nhưng đối tượng quản lý chủ yếu là của tuyến tỉnh thực hiện (có giấy phép kinh doanh), tuyến huyện không đủ nhân lực để thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, chỉ có một cán bộ kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên không thể rà soát, thẩm định, hướng dẫn hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho tất cả các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Mặt khác, những năm gần đây, nông sản phát triển không ổn định, giá cả bấp bênh nên nhiều cơ sở chuyển đổi mục đích sản xuất, kinh doanh, ngừng hoạt động, chuyển đổi ngành nghề kinh doanh hoặc chỉ kinh doanh theo mùa vụ nên khó khăn cho việc hướng dẫn, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đồng bộ cho các cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Việc các bếp ăn tập thể trong khu công nghiệp hoặc bếp ăn trường học nhưng cung cấp số lượng lớn thức ăn hiện nay vì không có đăng ký kinh doanh nên không cấp giấy đủ điều kiện ATTP nên gây khó khăn trong công tác quản lý. Tỷ lệ cơ sở thuộc đối tượng chưa được cấp giấy vẫn còn cao chủ yếu là các cơ sở ở tuyến huyện, xã. Ở tuyến cơ sở, việc cơ sở thực sự đủ điều kiện ATTP theo quy định để được cấp giấy chứng nhận là rất khó, do các cơ sở thường nhỏ

lẻ, ở vùng sâu vùng xa điều kiện kinh tế người dân khó khăn, không có điều kiện để đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, người có nhu cầu sử dụng dịch vụ ít.

- Một số loại hình dịch vụ ăn uống khó xác định cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Cơ sở dịch vụ ăn uống trong chợ, trong siêu thị hoặc đối với các nhà hàng trong khu nghỉ dưỡng, loại hình homestay chưa có hướng dẫn cụ thể có cần phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hay không. Các cơ sở đã tuân thủ các điều kiện đảm bảo ATTP trong quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, kinh doanh. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở do lợi nhuận đã không tuân thủ điều kiện đảm bảo ATTP trong quá trình kinh doanh dẫn đến còn xử phạt vi phạm hành chính hoặc thu hồi giấy chứng nhận.

II- Việc cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố hợp quy

1- Kết quả đạt được

- Việc cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố hợp quy đối sản phẩm thực phẩm được phân thành hai giai đoạn. Từ năm 2012 đến ngày 01/02/2018, các sản phẩm thực phẩm đã có Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện công bố hợp quy; các sản phẩm thực phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật thực hiện công bố phù hợp quy định ATTP. Theo đó, các Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm các tỉnh đã thường xuyên cập nhật mới các QCVN, TCVN để hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm thực hiện công bố chất lượng sản phẩm theo đúng quy định.

- Từ năm 2018-2023: Các sản phẩm thực phẩm được quản lý theo phương thức Đăng ký bản công bố sản phẩm đối với 03 nhóm sản phẩm: 1) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; 2) Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi; 3) Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định; các sản phẩm thực phẩm còn lại (trừ 03 nhóm phải đăng ký) được thực hiện tự công bố theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ban hành và có hiệu lực ngay sau khi ký đã thay đổi căn bản phương thức quản lý thực phẩm nói chung, thực phẩm chức năng nói riêng. Theo văn bản này, các thủ tục hành chính được giảm căn bản, cụ thể đối với nhóm thực phẩm chức năng, như sau:

- Nhóm thực phẩm bổ sung (một nhóm trong thực phẩm chức năng) được thực hiện tự công bố sản phẩm (Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP);

- Chỉ còn nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến

36 tháng tuổi phải thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Điều 6 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Giảm thời gian, thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm: trình tự, thủ tục đăng ký bản công bố được giảm các giấy tờ và thời gian thẩm định hồ sơ rút ngắn từ 15 ngày xuống 7 ngày trừ nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ 30 ngày xuống 21 ngày. Đặc biệt, các sản phẩm thực phẩm không phải thực hiện việc công bố lại.

- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm khi thực phẩm đó đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.

- Giai đoạn 2012 đến tháng 01/2018, Bộ Y tế đã cấp:

+ Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy: 20.267 sản phẩm

+ Cấp giấy xác nhận công bố phù hợp quy định An toàn thực phẩm đối với thực phẩm: 43.256 sản phẩm.

- Giai đoạn từ tháng 02/2018 - đến nay: Bộ Y tế đã cấp Giấy tiếp nhận bản công bố sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe cho 68.750 sản phẩm (theo phân công quản lý).

2- Tồn tại, hạn chế

- Quy định về đăng ký bản công bố hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm (quy định tại Khoản 3 của Điều 12, 18 và Khoản 1 Điều 38) không còn phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính (áp dụng nguyên tắc đánh giá quản lý dựa trên nguy cơ, hậu kiểm), không phù hợp với thông lệ quốc tế (hiện nay các nước trên thế giới đều không có yêu cầu về công bố hợp quy mà quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp là công bố đủ thông tin trên nhãn theo quy định về ghi nhãn và chịu trách nhiệm về nội dung ghi nhãn, bị xử phạt nếu kết quả thanh tra kiểm tra cho thấy vi phạm các quy định về ATTP).

- Việc không quy định thời hạn hiệu lực giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm dẫn đến việc không kiểm soát được số lượng sản phẩm thực tế lưu thông trên thị trường, gây khó khăn cho công tác lập kế hoạch, bố trí nguồn lực hậu kiểm.

- Chưa có quy định về thu hồi, các trường hợp phải thu hồi giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm (trường hợp doanh nghiệp không tồn tại, không kinh doanh hoặc hậu kiểm phát hiện vi phạm), hủy hiệu lực bản tự công bố và hồ sơ tự công bố sản phẩm.

- Hiện nay, quy định các cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh, cơ sở nhập

khẩu đều có thể đứng ra công bố sản phẩm, như vậy dẫn đến tình trạng nhiều chủ thể có thể công bố sản phẩm gây ra tình trạng khó khăn trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm khi có sự cố về an toàn thực phẩm xảy ra.

- Việc chưa quy định kiểm nghiệm định kỳ đối với sản phẩm sau khi công bố sẽ không kiểm soát, giám sát được chất lượng sản phẩm khi lưu thông trên thị trường.

- Việc chưa quy định các sản phẩm có khả năng sử dụng sai mục đích cần phải kiểm soát đặc biệt có thể tạo kẽ hở cho một số doanh nghiệp lợi dụng nhập khẩu để sử dụng cho mục đích không lành mạnh, có nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội (Khí cười - N_2O , Caffein...).

- Do hàng rào kỹ thuật giữa thực phẩm bảo vệ sức khỏe với thực phẩm thường chế biến bao gói sẵn, thực phẩm bổ sung chưa rõ ràng, cụ thể và chưa quy định tính chất đặc thù cho từng loại nên một số tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe không đáp ứng được các quy định về thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo lộ trình bắt buộc đã biến tướng từ hình thức công bố các sản phẩm có bản chất là thực phẩm bảo vệ sức khỏe thành tự công bố các sản phẩm thực phẩm thường chế biến bao gói sẵn và thực phẩm bổ sung đưa ra thị trường nhất là trong thời gian vừa qua do bệnh dịch Covid -19 đang lan tràn nhu cầu tiêu thụ của người dân tăng cao. Mặt khác việc bùng nổ các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng không đảm bảo chất lượng là do hiện nay dịch vụ internet phát triển mạnh nên người tiêu dùng dễ dàng tiếp nhận thông tin và mua bán trực tuyến thực phẩm chức năng gây khó khăn cho việc quản lý các cơ sở này cũng như các sản phẩm thực phẩm. Việc một số sản phẩm tự công bố nhưng ghi công dụng như thực phẩm chức năng dẫn đến việc người tiêu dùng hiểu sai công dụng của sản phẩm.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm khi nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm đến cơ quan quản lý nhà nước đã tiến hành sản xuất sản phẩm ngay và lưu thông trên thị trường, tuy nhiên có một số hồ sơ tự công bố xếp nhóm đối tượng không phù hợp theo quy định. Việc hậu kiểm không thể triển khai ngay và cũng không thực hiện thường xuyên liên tục dẫn đến việc sản phẩm sản xuất, lưu thông trên thị trường, khi phát hiện sai phạm dẫn đến việc thu hồi phức tạp, hoặc sản phẩm đã bán cho người tiêu dùng gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

- Việc một số sản phẩm tự công bố tại địa phương này nhưng bán tại địa phương khác và có sự tự thay đổi nhãn mác so với nhãn ban đầu nộp trong hồ sơ tự công bố nên việc kiểm tra, hậu kiểm khó khăn; việc cấp công bố cho các sản phẩm

nông sản chưa được ngành nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa gây khó khăn cho doanh nghiệp khi đưa hàng vào siêu thị. Số lượng hồ sơ tự công bố tăng vọt do thay đổi từ tiền kiểm sang hậu kiểm, cơ sở sản xuất thực phẩm thông thường không cần phải thẩm định hồ sơ, không cần thẩm xét hồ sơ đúng mới được sản xuất, chỉ cần có hồ sơ gửi đến cơ quan quản lý và công khai hồ sơ tại cơ sở hoặc đăng tải trên Website của cơ sở là được sản xuất dẫn đến rất khó quản lý, nguy cơ không đảm bảo các chỉ tiêu về chất lượng và ATTP, trong khi kinh phí bố trí cho công tác kiểm nghiệm đánh giá chất lượng còn hạn chế; hoặc ngành Y tế được giao tiếp nhận bản tự công bố của các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn được sản xuất, kinh doanh nhưng lại không có thẩm quyền hậu kiểm đối với các cơ sở do ngành Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

III- Việc quản lý đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

1- Kết quả đạt được

- Khoản 3 Điều 34 Luật an toàn thực phẩm có quy định “Chính phủ quy định cụ thể đối tượng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm”.

- Theo đó, tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Chính phủ có quy định một số loại cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Đó là những “cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực”.

- Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải tuân thủ các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tương ứng, được quy định tại Chương IV Luật an toàn thực phẩm 2010 và một số Nghị định hướng dẫn có liên quan (như Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, 155/2018/NĐ-CP, 123/2018/NĐ-CP, 17/2020/NĐ-CP) và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý an toàn thực phẩm; Trường hợp có vi phạm về điều kiện an toàn thực phẩm thì bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 115/2018/NĐ-CP và 124/2021/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Công tác quản lý đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP được thực hiện thông qua việc ký cam kết ATTP

(ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Công Thương). Thời gian qua công tác ký cam kết ATTP được nhiều thuận lợi do ý thức của người sản xuất, kinh doanh được nâng cao và sự đồng thuận trong toàn xã hội.

- Hiện nay, các cơ sở đa số là các cơ sở nhỏ lẻ, không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố (đối với các cơ sở thuộc ngành Công Thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý chỉ phải ký cam kết đảm bảo ATTP). Theo đó hàng năm, các đoàn kiểm tra liên ngành/chuyên ngành các tuyến đã tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ đối với các cơ sở trên ít nhất 1 lần/năm.

2- Tồn tại, hạn chế

- Nguy cơ không bảo đảm ATTP, NĐTP đối với các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP rất cao do không có tổ chức đánh giá, chứng nhận, hướng dẫn việc tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện ATTP, trong khi biện pháp hậu kiểm chưa thực sự có hiệu quả do quy mô nhỏ lẻ, số lượng lớn, do thiếu nguồn lực, nhận thức trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định về bảo đảm ATTP, không xác định được cá nhân, người chịu trách nhiệm khi phát hiện vi phạm và xử lý... Tỷ lệ cơ sở được ký cam kết sản xuất an toàn còn rất thấp, thực hiện chủ yếu ở các xã phân đầu xây dựng Nông thôn mới, tuy nhiên cũng chỉ thực hiện đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất rau, quả, chăn nuôi heo, gà, còn đối với các loại cây trồng công nghiệp dài ngày hầu như chưa thực hiện, do ở cấp xã không có cán bộ chuyên trách để tham mưu, bên cạnh đó đối tượng quản lý của ngành quá rộng lớn.

- Việc thống kê các cơ sở ATTP của cấp huyện, cấp xã chưa cụ thể rõ ràng; việc triển khai hướng dẫn tập huấn xác nhận kiến thức cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm và triển khai hướng dẫn các cơ sở kinh doanh thực phẩm thực hiện ký cam kết và tổ chức tiếp nhận Bản cam kết ATTP của UBND các huyện, cấp xã còn chậm, kết quả đạt được thấp là do các cơ sở này là các đối tượng nhỏ, lẻ, hộ gia đình, thuộc đối tượng chỉ thực hiện ký cam kết bảo đảm ATTP với chính quyền địa phương theo phân cấp quản lý.

- Việc tổ chức kiểm tra nội dung mà các cơ sở đã ký cam kết gặp nhiều khó khăn, chưa triển khai hiệu quả: (1) Đối với loại hình cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống lưu động rất khó quản lý, việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm gặp nhiều khó khăn do các cơ sở này hoạt động không thường xuyên; (2) Đối với loại hình kinh doanh thức ăn đường phố do hoạt động không thường xuyên, thay đổi địa điểm kinh doanh liên tục và hoạt động ngoài giờ hành chính gây khó khăn cho công tác kiểm tra, quản lý.

- Việc quản lý ATTP đối với các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng

nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hiện nay còn gặp nhiều khó khăn như: cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm phần lớn vẫn ở quy mô nhỏ lẻ và thường xuyên biến động số lượng gây khó khăn trong công tác rà soát, quản lý. Mặt khác, một số cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố nhỏ lẻ, địa điểm kinh doanh không cố định nên khó khăn trong việc chấp hành và đáp ứng đầy đủ các quy định về điều kiện ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Một số địa phương còn thiếu kinh nghiệm quản lý đối tượng nhỏ lẻ trong khi số lượng các đối tượng sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ tại các địa phương là rất lớn nên việc thực thi và xử lý vi phạm các quy định về ATTP còn gặp nhiều khó khăn; công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực ATTP tại tuyến huyện, tuyến xã chưa được thường xuyên và đồng bộ nên nhận thức của chủ doanh nghiệp, cơ sở còn hạn chế.

- Việc nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể không thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cũng là nội dung gây khó khăn cho công tác quản lý trên địa bàn. Có những khách sạn hoạt động nhiều năm nhưng vì không thuộc đối tượng cấp giấy nên cơ quan quản lý không nắm bắt được tình hình hoạt động, do đó gây lỏng lẻo trong công tác quản lý. Chưa có quy định cụ thể có cấp giấy cho các đối tượng là homestay, các khu nghỉ dưỡng nên việc quản lý các cơ sở này còn gặp khó khăn. Hơn nữa, các loại hình này cũng hoạt động kinh doanh, thậm chí phục vụ nhiều người. Việc không cấp giấy cho loại hình này không phù hợp, không khách quan cho các nhà hàng hoạt động đơn lẻ.

- Số lượng các cơ sở không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp tương đối lớn, đặc biệt là cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, nuôi trồng thủy sản;...) khó khăn trong việc thống kê, tổ chức ký cam kết, kiểm tra sau cam kết theo quy định. Số cơ sở được kiểm tra sau khi ký cam kết còn chưa cao. Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với một số cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Điều 12 của Nghị định có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

- Do việc kiểm tra nội dung đã cam kết phải tham chiếu tại nhiều văn bản như Luật ATTP, Nghị định 66/2016/NĐ-CP, Nghị định 123/2018/NĐ-CP và quy chuẩn tương ứng với từng loại hình cơ sở. Trong khi đó, lực lượng cán bộ chuyên trách thực hiện công tác quản lý ATTP ở cấp xã còn thiếu, chưa được đào tạo chuyên sâu, hầu hết là kiêm nhiệm, dẫn tới lúng túng trong công tác kiểm tra việc thực hiện cam kết theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT.

- Công tác thống kê, rà soát các cơ sở được cấp giấy chứng nhận ISO 22000, FSC, HACCP hoặc tương đương gặp khó khăn. Mặt khác, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc quản lý ATTP tương ứng đối với các cơ sở đã được cấp Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý ATTP ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (FSC), Tiêu chuẩn toàn cầu về ATTP (BRC), Chứng nhận hệ thống ATTP (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, nhu cầu sử dụng các dịch vụ trực tuyến của người dân gia tăng, vì thế việc kinh doanh thực phẩm online ngày càng phát triển thông qua các trang mạng xã hội như: zalo, facebook, việc kinh doanh này đa phần là nhỏ lẻ, không có giấy phép, nhiều loại thực phẩm được rao bán theo kiểu nhà làm (sản xuất, chế biến theo yêu cầu, đơn đặt hàng của người tiêu dùng), gây khó khăn cho công tác quản lý. Việc ký cam kết chưa được quy định tại Luật ATTP.

C- CÔNG TÁC THÔNG TIN, GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VỀ ATTP; CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUẢNG CÁO THỰC PHẨM.

I- Việc nâng cao kiến thức và thực hành về ATTP

1- Kết quả đạt được

- Thực hiện Luật An toàn thực phẩm, công tác tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng đã được các Bộ, ngành nói chung và Bộ Y tế nói riêng và địa phương đẩy mạnh, đặc biệt tập trung vào dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội xuân, Tháng hành động vì ATTP và Tết Trung thu. Cụm từ an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) cách đây hơn 10 năm ít người nhắc đến, nhưng đến nay ATTP là câu nói thường trực được nhiều người sử dụng. Theo điều tra xã hội học hàng năm thì kiến thức, thực hành về VSATTP của người sản xuất, chế biến, người tiêu dùng đều được nâng lên.

- Các nội dung hoạt động truyền thông về ATTP của Bộ Y tế chủ yếu bao gồm: duy trì tháng hành động vì ATTP, xây dựng nội dung thông điệp; tập trung huy động các kênh truyền thông và lực lượng truyền thông, sản xuất các tài liệu truyền thông về ATTP như: truyền thông trên các phương tiện đại chúng thông qua phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam và các cơ quan báo chí trung ương và địa phương..., truyền truyền trực tiếp qua tập huấn, gặp gỡ, nói chuyện, tổ chức thi tìm hiểu kiến thức..., xây dựng các tài liệu truyền thông về ATTP như băng đĩa thông điệp, tiểu phẩm, tờ rơi, poster, sổ tay, sách...; xây dựng và triển khai các mô hình truyền thông như tổ chức tuyên truyền cơ động, cô động, phát tờ rơi, tờ gấp tại các địa phương lớn... Ngoài ra, còn có các hoạt động thông tin và công nghệ thông tin về ATTP khác như: đăng tin bài trên báo điện tử truyền thông, cung cấp thông tin và trả lời các câu hỏi

của phòng viên các báo và tạp chí, đăng tin trên website của Bộ Y tế và Cục ATTP (tính từ năm 2011-2023, cập nhật tin tức, sự kiện, cảnh báo: 5.235 tin bài; Cập nhật thường xuyên các tài liệu truyền thông, các văn bản pháp luật mới ban hành, các thông tin quản lý liên quan; Lướt truy cập trang web <https://vfa.gov.vn/>: 215,287,369 truy cập).

- Theo thống kê chưa đầy đủ, ngành NN&PTNT từ năm 2011- 2021 đã tổ chức 99.091 hội nghị, hội thảo cho nông dân, người sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản; sản xuất, phát hành hơn 464.242 sản phẩm truyền thông như phóng sự, tin bài trên đài truyền hình, đài phát thanh, báo; hơn 9,1 triệu sản phẩm truyền thông như băng rôn, khẩu hiệu, áp phích, tờ gấp, tờ rơi, tờ dán tài liệu... tuyên truyền, phổ biến quy định đảm bảo chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản. Bên cạnh cách thức thông tin, giáo dục, truyền thông truyền thống, Bộ NN&PTNT đã đẩy mạnh truyền thông, quảng bá các mô hình sản xuất, các chuỗi liên kết sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn; cách nhận biết sản phẩm vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng; phổ biến văn bản QPPL, quy định của thị trường nhập khẩu tới doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Hình thức truyền thông cũng đa dạng, phong phú như thông qua tổ chức các hội nghị phổ biến; xây dựng các chuyên mục phát sóng trên VTV²⁵; ký kết kế hoạch phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội tổ chức tập huấn cho các tuyên truyền viên để tuyên truyền đến từng người dân và cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản; phối hợp thực hiện Chương trình 526/CTPH-CP-HNDVN-HLHPNVN về “tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017-2020”. Chương trình này đã vận động gần 9 triệu hộ gia đình hội viên ký cam kết và tuân thủ quy định đảm bảo ATTP trong sản xuất kinh doanh nông sản; áp dụng các quy trình sản xuất chất lượng, an toàn, bền vững như VietGAP, GlobalGAP, VietGAHP, ISO, HACCP...

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các ban, bộ, ngành và địa phương có liên quan kịp thời chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí ở Trung

²⁵ Xây dựng Chuyên mục “Nói không với thực phẩm bẩn”; phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam từ năm 2016 phát sóng hàng ngày trên VTV chương trình “Nông nghiệp sạch cho người Việt Nam, cho thế giới” giới thiệu các địa chỉ sản xuất, kinh doanh nông sản an toàn tại 63 tỉnh/thành phố trên cả nước; cập nhật và quảng bá danh mục chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn trên website của các cơ quan quản lý và trên chuyên mục “Nông nghiệp sạch” của báo điện tử Vnexpress...); VTV2, VOV sản xuất, phát sóng các bản tin về đảm bảo ATTP và các phóng sự phổ biến mô hình quản lý ATTP theo chuỗi, phối hợp với các Báo Nông nghiệp, Nông thôn ngày nay, Tiền phong, Lao động... đăng tin quảng bá các mô hình áp dụng thực hành nông nghiệp tốt VietGAP, sản xuất kinh doanh nông sản an toàn cũng như thông tin kiểm chứng về các sự cố ATTP đến người tiêu dùng

ương và các địa phương, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân về an toàn thực phẩm; tăng cường công tác thanh, kiểm tra, giám sát hoạt động nhằm cung cấp thông tin, hướng dẫn, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời những biểu hiện vi phạm; kịp thời xử lý nghiêm những cơ quan báo chí, phóng viên cung cấp thông tin, tuyên truyền sai sự thật. Nội dung tuyên truyền, phổ biến tập trung vào những quy định cụ thể về các cơ chế, chính sách của Nhà nước, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân; các hộ nông dân, hợp tác xã, các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp tham gia nuôi trồng, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn...

- Triển khai thực hiện Chương trình phối hợp số 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 30/3/2016 giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về vận động và giám sát an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020, Bộ thông tin và Truyền thông đã ban hành Chương trình số 2090/CTr-BTTTT ngày 23/6/2016 về Chương trình truyền thông Quốc gia về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, từ năm 2018 - 2020 đã tổ chức sản xuất và phát sóng 05 phóng sự phát thanh trên Đài Tiếng nói Việt Nam; 22 tin, bài, ảnh tuyên truyền trên báo điện tử; 05 phim tài liệu chính luận phát trên kênh truyền hình có diện phủ sóng toàn quốc tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chế biến và kinh doanh thực phẩm an toàn. Phổ biến, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm an toàn. Vận động nhân dân tham gia bảo đảm an toàn thực phẩm; các hộ nông dân, hợp tác xã, các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, chế biến, kinh doanh thực phẩm đăng ký, cam kết sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn. Giới thiệu, biểu dương, cổ vũ nhân rộng gương người tốt, việc làm tốt, điển hình tiên tiến trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn; đồng thời phản ánh, phê phán, lên án, kiến nghị xử lý những hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm không an toàn.

- Tại các địa phương, công tác giáo dục truyền thông được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đi trước một bước trong các hoạt động bảo đảm ATTP. Việc nâng cao kiến thức và thực hành về ATTP cho các đối tượng được được UBND tỉnh quan tâm, các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Các hoạt động tuyên truyền giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng được đã được triển khai đồng bộ, bài bản, đặc biệt tập trung vào dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì ATTP và Tết Trung thu theo hướng dẫn của BCD liên ngành Trung ương về ATTP.

- Trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống loa

truyền thanh của xã, phường thường xuyên tăng cường đăng tải các thông tin, các chuyên đề, các chương trình phổ biến kiến thức về ATTP. Đặc biệt, một số tỉnh tiếp tục chuyển tải nội dung tuyên truyền từ tiếng phổ thông sang tiếng dân tộc để phục vụ các đối tượng vùng sâu, vùng xa, đồng bào các dân tộc thiểu số. Cùng với đó, các hoạt động truyền thông trực tiếp như tập huấn, nói chuyện chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, thi tìm hiểu kiến thức về ATTP cũng được đẩy mạnh. Theo báo cáo của các địa phương từ 2011-2023: tổng số tin, bài chủ đề VSATTP được phát sóng trên hệ thống phát thanh tỉnh, huyện, xã phường: 4.178.692 lượt tin, bài; 116.776 lượt tin bài về VSATTP trên truyền hình địa phương và 432.086 tin bài trên các báo địa phương.

- Từ 2011-2023, tại các địa phương trên cả nước đã thực hiện 616.018 buổi nói chuyện chuyên đề, tập huấn với tổng số 25.147.800 người tham dự. Ngoài ra, các tỉnh đã tiến hành 2.738 cuộc thi tìm hiểu về VSATTP với 344.004 người tham gia. Các Ban, ngành, đoàn thể ở địa phương đã tích cực duy trì hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về VSATTP.

2- Tồn tại, hạn chế

- Việc tuyên truyền chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục; thông điệp tuyên truyền chưa trực diện, trực tiếp tới đối tượng được tuyên truyền; hình thức triển khai tại các địa phương còn dàn trải, mang tính hình thức, kém hiệu quả. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật về ATTP đối với các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn do địa bàn rộng, địa hình phức tạp; cán bộ làm công tác quản lý ATTP cấp huyện, xã chủ yếu là kiêm nhiệm.

- Nguồn lực đầu tư cho hoạt động giáo dục, truyền thông còn hạn chế, chưa đa dạng hoá các hình thức truyền thông, nhất là trong tình hình hiện nay đòi hỏi có những phương thức truyền thông mới phù hợp với sự phát triển của thời đại công nghệ 4.0. Các sản phẩm truyền thông như tờ rơi, áp phích, sách nhỏ... chưa đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động; Truyền thông qua mạng xã hội còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Nguồn nhân lực làm công tác truyền thông chưa được đào tạo chuyên môn về truyền thông, chưa xây dựng được đội truyền thông cơ động tại cơ quan (chỉ hợp đồng với các đơn vị khác để tuyên truyền lưu động). Do đó rất khó khăn trong công tác truyền thông về ATTP.

- Từ sau khi bãi bỏ xác nhận kiến thức ATTP thì các cơ sở sản xuất không nắm bắt kịp các thay đổi của các văn bản pháp luật. Do chủ cơ sở tự xác nhận kiến thức cho người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm chỉ mang tính hình thức, không hiệu quả, đối phó với cơ quan quản lý.

II- Việc đào tạo, tập huấn kiến thức về ATTP

1-Kết quả đạt được

- Từ 2011-2023, Bộ Y tế đã phối hợp với các bộ ngành và các hiệp hội tổ chức tập huấn cho 17.156 lượt đối tượng thuộc các bộ ngành và hiệp hội tham dự (135 lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề ATTP); đã phối hợp với Trường Đại học Y Thái Bình tổ chức đào tạo 38 lớp cấp chứng chỉ ATTP cho 1.839 học viên là cán bộ, cộng tác viên ATTP từ tuyển huyện, tỉnh trong cả nước

- Ngoài ra, hàng quý tổ chức các cuộc gặp gỡ cộng tác viên báo chí nhằm trao đổi và định hướng tuyên truyền cho sát với tình hình thực tế.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các biện pháp bảo đảm ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Theo báo cáo tại các địa phương, từ 2011-2023 trên cả nước đã thực hiện 616.308 buổi nói chuyện chuyên đề, tập huấn với tổng số 22.340.000 người tham dự. Ngoài ra, các tỉnh đã tiến hành 2.738 cuộc thi tìm hiểu về VSATTP với 344.004 người tham gia. Các Ban, ngành, đoàn thể ở địa phương đã tích cực duy trì hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về VSATTP. Các Ban, ngành, đoàn thể ở địa phương đã tích cực duy trì hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về ATTP.

- Trong giai đoạn 2011-2021, riêng ngành nông nghiệp đã tổ chức hơn 250 nghìn khóa bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chất lượng, thẩm định điều kiện đảm bảo ATTP, lấy mẫu, kiểm soát giết mổ, quy trình VietGAP, quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản... cho hơn 1.372 nghìn lượt học viên là cán bộ chuyên trách quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản từ trung ương đến địa phương; các địa phương đã tổ chức được.

- Việc đào tạo, tập huấn kiến thức về ATTP, giai đoạn 2011-2021 được thực hiện theo hướng dẫn chung trên nguyên tắc cấp nào cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thì cấp đó có quyền cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP và chia thành 03 giai đoạn: (1) Giai đoạn 2011-2014, các cơ sở phải tổ chức tập huấn, nộp phí để được cấp giấy tham gia tập huấn; (2) Giai đoạn 2014-2018, theo Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT các cơ sở có thể tự lựa chọn hình thức tập huấn cho nhân viên như: tự nghiên cứu bộ tài liệu đã được ban hành sẵn và sau đó tham gia kiểm tra trắc nghiệm theo ngân hàng câu hỏi đã được các bộ ban hành để được xác nhận kiến thức; (3) Giai đoạn 2018 đến nay cơ sở có thể tự tập huấn, tự xác nhận kiến thức kiến thức ATTP cho nhân viên. Sự cải tiến này đã giảm bớt chi phí tập huấn, đi lại và thời gian nghỉ lao động để tham gia tập huấn.

- Công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp

luật về ATTP được tổ chức thực hiện với nhiều hình thức phù hợp với điều kiện đặc thù, cụ thể ở từng địa phương, đối tượng. Nhận thức của các cấp chính quyền, cán bộ, quần chúng nhân dân về tuân thủ và áp dụng các quy định của pháp luật về ATTP từng bước được nâng lên.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác đào tạo chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý ATTP tại địa phương đặc biệt là cán bộ tuyến xã/phường còn hạn chế; việc phối hợp với địa phương, đặc biệt là các bộ, ngành trong đào tạo chuyên môn tại địa phương chưa rộng rãi. Hiện nay, việc xác nhận tập huấn kiến thức ATTP thuộc sự quản lý của các bộ đã bị bãi bỏ²⁶, thay vào đó người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc các lĩnh vực trên phải được tập huấn kiến thức ATTP và do chủ cơ sở xác nhận. Điều này tạo thuận lợi cho cơ sở trong việc chủ động thời gian, tiết kiệm chi phí, tuy nhiên đòi hỏi chủ cơ sở phải nắm vững kiến thức, chủ động nghiên cứu và nắm bắt các quy định mới. Thực tế cho thấy một bộ phận cơ sở thiếu ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về ATTP, chưa chủ động cập nhật kiến thức, tập huấn cho nhân viên.

- Một số cơ sở có giấy xác nhận kiến thức nhưng không nắm được kiến thức dẫn đến thực hành sai quy định gây nguy cơ mất ATTP trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, tuy nhiên chưa có chế tài xử phạt cho hành vi này.

- Không có khung nội dung, tài liệu, bộ công cụ đánh giá khi tập huấn kiến thức về ATTP phù hợp mỗi đối tượng, do vậy chủ cơ sở, doanh nghiệp khi tập huấn hoặc hướng dẫn cho nhân viên không được toàn diện, đầy đủ nội dung.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác ATTP tại tuyến tỉnh còn bị hạn chế, do hàng năm Trung ương ít triển khai các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể của các lĩnh vực Truyền thông về ATTP, Thanh tra, kiểm tra, NDTP, xét nghiệm...

III- Quản lý thông tin, quảng cáo ATTP

1- Kết quả đạt được

- Hoạt động quảng cáo thực phẩm trong ngành Y tế thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật sau: Luật An toàn thực phẩm; Luật Quảng cáo số; Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số

²⁶ theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Quyết định số 970/QĐ-BNN-QLCL

181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; Thông tư số 09/2015/TT- BYT, ngày 25 tháng 5 năm 2015 hướng dẫn về quảng cáo thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

- Theo quy định hiện hành, có các nhóm thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi quảng cáo (Điều 26 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP): Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi không thuộc trường hợp cấm quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo. Tổ chức/cá nhân có sản phẩm thuộc đối tượng phải đăng ký nội dung quảng cáo trước khi tiến hành quảng cáo phải được thẩm định nội dung, cơ quan phát hành quảng cáo chỉ được tiến hành quảng cáo sản phẩm đã được cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo và chỉ được quảng cáo phù hợp với nội dung đã được xác nhận (Điều 27 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

- Theo phân cấp: Tại Trung ương: Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) chịu trách nhiệm cấp Giấy Xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Tại địa phương: UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

- Kết quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm từ tháng 01/1/2011 đến 31/12/2023:

+ Số hồ sơ xác nhận quảng cáo nộp vào: 28.000 hồ sơ.

+ Đã xác nhận nội dung quảng cáo: 25.034 hồ sơ.

- Từ 01/8/2014, Bộ Y tế đã giải quyết thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm cấp độ 4 trên môi trường mạng và công khai kết quả tại trang <http://xacnhanquangcao.vfa.gov.vn>; từ 3/2020 đến nay được thực hiện trên trang <https://nghidinh15.vfa.gov.vn/> (chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo).

2- Tồn tại, hạn chế

- Trong quá trình hậu kiểm, các cơ quan chức năng đã phát hiện nhiều vi phạm về quảng cáo của các doanh nghiệp như quảng cáo thực phẩm khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo; quảng cáo các sản phẩm thực phẩm có nội dung không đúng với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền duyệt; quảng cáo quá công dụng của sản phẩm. Trong khi đó công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý tại địa phương còn chưa sâu sát, kịp thời, đặc biệt tại tuyến cơ sở.

- Các vi phạm phổ biến hiện nay thường bị phát hiện trong các quảng cáo thực phẩm là: quảng cáo chưa được thẩm định nội dung; quảng cáo không đúng

nội dung đã được xác nhận, quảng cáo thực phẩm như thuốc chữa bệnh, sử dụng danh nghĩa của cơ quan y tế, cắt ghép hình ảnh VTV, bệnh viện, Bộ Y tế, ý kiến phản hồi của người bệnh, người nổi tiếng quảng cáo thực phẩm có tác dụng điều trị bệnh... Đặc biệt các quảng cáo vi phạm thường xuất hiện trên môi trường mạng xã hội như zalo, facebook, tiktok, youtube,... hoặc các website có máy chủ ở nước ngoài, tại một số cơ quan phát hành quảng cáo như báo, đài địa phương, hoặc quảng cáo truyền miệng qua hội thảo, hội nghị ở các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn.

- Trước các vi phạm nêu trên, Bộ Y tế đã tăng cường công tác thanh, kiểm tra xử lý vi phạm. Kết quả xử lý vi phạm được công khai tại địa chỉ <https://vfa.gov.vn/> và <https://congkhaiyte.moh.gov.vn/>, cụ thể như sau: giai đoạn 2011 – 2023, xử phạt vi phạm về quảng cáo với tổng số tiền phạt: 19.538.250.000 đồng. Tuy nhiên trên thực tế, có những sản phẩm thực phẩm vi phạm quảng cáo, khi cơ quan chức năng mời lên làm việc thì chủ sở hữu sản phẩm thực phẩm đó không thừa nhận thực hiện quảng cáo; do vậy, Bộ Y tế phải chuyển bằng chứng, link vi phạm sang Bộ Thông tin và Truyền thông (cơ quan cấp phép, quản lý các website, đường link), chuyển Bộ Công Thương (cơ quan quản lý các trang thương mại và sàn thương mại điện tử) để xử lý theo thẩm quyền. Các trường hợp này được Bộ Y tế đã cảnh báo trên website <https://vfa.gov.vn/> và thông báo để các báo đăng tin. Từ 01/2019 đến 31/12/2023 trang <https://vfa.gov.vn/> đã đăng trên 500 bài cảnh báo về các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe quảng cáo vi phạm quy định. Từ năm 2018 đến nay, Bộ Y tế đã chuyển 83 công văn tới Bộ Thông tin và Truyền thông để yêu cầu xử lý 777 đường link vi phạm trong đó có 147 đường link facebook; gửi 24 công văn tới Bộ Công Thương để xử lý 123 đường link của trang thương mại điện tử và sàn giao dịch thương mại điện tử quảng cáo vi phạm; gửi 03 công văn cho Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch để xử lý vi phạm của diễn viên, người nổi tiếng trong quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe; 02 công văn cho Bộ Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Công an và UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương về việc tăng cường phối hợp quản lý hoạt động quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

D- QUY ĐỊNH VỀ GHI NHÃN THỰC PHẨM

I- Quy định về ghi nhãn thực phẩm

1- Kết quả đạt được

- Việc ghi nhãn sản phẩm thực phẩm do cơ sở tự thực hiện trước khi lưu thông trên thị trường. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra về ATTP cho thấy hầu hết các cơ sở đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa lưu

thông trên thị trường.

- Các văn bản quy phạm pháp luật về ghi nhãn thực phẩm thực hiện tương đối đầy đủ như Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế: Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn (hiện nay Thông tư này đã hết hiệu lực)

2-Tồn tại, hạn chế

- Một số ít cơ sở còn chưa hiểu đầy đủ về trách nhiệm pháp lý khi ghi nhãn thực phẩm nên nhãn ghi không đầy đủ cả hình thức cũng như nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa; vẫn còn tình trạng nhiều cơ sở, doanh nghiệp chưa nắm bắt các quy định của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP nên không ghi không đầy đủ thông tin hoặc ghi nhãn sai, gây hiểu lầm cho người tiêu dùng; thực phẩm dinh dưỡng chưa có quy định bắt buộc về ghi nhãn nên một số sản phẩm không ghi đầy đủ thông tin dinh dưỡng trên nhãn gây khó khăn cho người tiêu dùng. Vẫn còn một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nội dung ghi nhãn trên sản phẩm không đúng theo hồ sơ tự công bố (sử dụng mẫu nhãn tồn kho hoặc mẫu nhãn đã in trước khi công bố,...); các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu qua đường tiểu ngạch chưa đầy đủ nhãn phụ hoặc có nhãn phụ nhưng thông tin chưa đúng, chưa đủ.

- Một số sản phẩm có công dụng nhưng do không đáp ứng điều kiện sản xuất của thực phẩm bảo vệ sức khỏe GMP, các cơ sở tự công bố dạng thực phẩm thường nhưng trên nhãn vẫn cố tình ghi công dụng, tác dụng của sản phẩm hoặc đối với hồ sơ tự công bố sản phẩm tổ chức cá nhân thường nộp dự thảo nội dung ghi nhãn, do đó vẫn còn trường hợp sử dụng nhãn cũ trước khi tự công bố sản phẩm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP hoặc khi thực hiện nhãn chính thức trên sản phẩm sai khác so với dự thảo tại hồ sơ tự công bố. Một số sản phẩm sản xuất và sử dụng trong ngày như nước đá, bún tươi..., việc ghi nhãn sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn do các cơ sở sản xuất chủ yếu nhỏ lẻ, kinh phí đầu tư thấp trong khi chi phí in ấn bao bì và nhãn rất cao.

E- KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM, NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN QUA THỰC PHẨM, PHÂN TÍCH NGUY CƠ ĐỐI VỚI ATTP, PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ VỀ ATTP.

I- Công tác kiểm nghiệm thực phẩm

1- Kết quả đạt được

- Ở Trung ương có 05 Viện thuộc ngành Y tế²⁷ và 11 Trung tâm thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ở cấp tỉnh có các phòng kiểm nghiệm thuộc Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật của 63 tỉnh, thành phố thuộc ngành Y tế, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tính đến năm 2020, 100% các tỉnh, thành phố có phòng kiểm nghiệm thực phẩm đạt ISO 17025 và đã đáp ứng được công tác kiểm nghiệm ATTP. Trong giai đoạn 2017-2021, Bộ Y tế đã chỉ định 56 cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước và 11 đơn vị kiểm nghiệm ATTP là cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu. Bộ Công Thương đã chỉ định 29 cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, trong đó có 13 cơ sở ngoài công lập; chỉ định/ủy quyền 11 cơ quan kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu, trong đó 06 cơ quan kiểm tra ngoài công lập; chỉ định 03 cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng. Đến tháng 7/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ định 23 phòng kiểm nghiệm ATTP phục vụ quản lý nhà nước. Các cơ sở kiểm nghiệm từng bước được chuẩn hóa và nâng cao năng lực, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý trong lĩnh vực ATTP.

- Cả nước hiện có trên **167** phòng kiểm nghiệm thực phẩm. Tuy nhiên, một số địa phương Hậu Giang, Bình Phước, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Nam Định còn chưa đầu tư cho lĩnh vực này. Nhiều địa phương chưa có cơ sở được Bộ Y tế chỉ định thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về ATTP; Một số trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh vẫn chưa được chỉ định là đơn vị kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về ATTP như Lai Châu, Bạc Liêu.... Phần lớn việc phân tích mẫu thực phẩm đều phải gửi các đơn vị kiểm nghiệm tuyến trên hoặc các đơn vị được Bộ Y tế chỉ định kiểm nghiệm về ATTP.

- Hệ thống kiểm nghiệm ATTP từng bước được kiện toàn, hiện các đơn vị

²⁷ Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia, Viện Dinh dưỡng, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên thuộc ngành Y tế; 06 Trung tâm chất lượng NLTS vùng, Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm chứng và tư vấn chất lượng NLTS; 02 TT Kiểm nghiệm thuốc BVTV; 02 TT kiểm tra VSTY thuộc Bộ NN&PTNT.

được trang bị phòng kiểm nghiệm được chỉ định như: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở KH&CN; Phòng kiểm nghiệm Trung tâm chất lượng vùng thuộc Cục QLCL nông lâm sản và thủy sản; phòng xét nghiệm thuộc ngành y tế. Điều kiện kỹ thuật cho công tác ATTP được bảo đảm theo quy định; tuyến tính cơ bản được bố trí trụ sở, đủ trang thiết bị, điều kiện làm việc để triển khai nhiệm vụ, phòng kiểm nghiệm được đầu tư, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc kiểm nghiệm, kiểm định thực phẩm hầu hết đều được gửi mẫu phân tích tại các phòng thí nghiệm được chỉ định và công nhận. Ngoài ra, các địa phương còn quan tâm mua sắm sinh phẩm và thực hiện xét nghiệm nhanh thực phẩm như: hàn the, focmon, methanol trong rượu, độ ôi khét dầu mỡ, phẩm màu,... nhằm giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm, phòng ngừa NĐTP và các bệnh truyền qua thực phẩm; tuyến xã đã được cấp phát một số dụng cụ và test, kit, hóa chất phục vụ xét nghiệm nhanh về ATTP.

- Các Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm thực hiện kiểm nghiệm về thực phẩm nhưng chỉ đạt ISO 17025 một số chỉ tiêu về hóa lý, vi sinh. Một số phòng kiểm nghiệm còn chưa được chỉ định kiểm nghiệm phục vụ công tác QLNN.

- Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ quản lý ATTP đã được quan tâm đầu tư nhưng điều kiện làm việc, đầu tư trang thiết bị công tác kiểm nghiệm thực phẩm còn nhiều hạn chế; cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm nghiệm còn thiếu và lạc hậu, chưa đáp ứng xét nghiệm đối với một số chỉ tiêu định lượng về tồn dư kháng sinh, chất cấm nhóm Beta-agonist; thiếu các phương tiện kiểm tra cơ động và trang thiết bị kiểm tra nhanh về bảo đảm ATTP. Mặt khác, quy định về việc thu phí kiểm nghiệm mẫu còn bất hợp lý giữa mẫu kiểm nghiệm phục vụ QLNN và mẫu kiểm nghiệm theo yêu cầu của tổ chức cá nhân (hiện nay đang được tính như nhau) nên cũng ảnh hưởng tới hoạt động của phòng kiểm nghiệm. Chi phí cấp cho việc lấy mẫu, điều tra khảo sát còn thấp nên việc lấy mẫu phục vụ kiểm soát nguy cơ gây mất ATTP còn ít, chưa đủ tính đại diện phục vụ công tác quản lý nhà nước, chưa sát với thực trạng bảo đảm ATTP.

2- Tồn tại, hạn chế

- Luật ATTP quy định phòng kiểm nghiệm kiểm chứng được ba bộ đánh giá chỉ định để phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực phân công cho ba ngành là chưa khoa học và phù hợp thông lệ quốc tế. Việc xây dựng hệ thống phòng kiểm nghiệm kiểm chứng quốc gia chung thay vì cho từng Bộ sẽ phù hợp hơn.

- Mặc dù số lượng các phòng kiểm nghiệm thực phẩm khá nhiều nhưng lại phân bố không đều, tập trung chủ yếu tại các tỉnh, thành phố lớn dẫn đến tình

trạng các tỉnh vùng sâu, vùng xa, biên giới còn phải gửi mẫu phân tích về các tỉnh thành phố lớn không đảm bảo về thời gian kiểm nghiệm phục vụ công tác quản lý ATTP tại địa phương.

- Kinh phí mua sắm sinh phẩm, hóa chất, chất chuẩn, chủng chuẩn, vật tư... chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, chưa đáp ứng kịp thời cho công tác giám sát, quản lý nhà nước về ATTP. Tuyến huyện, xã thiếu kinh phí lấy mẫu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm. Các loại hóa chất rất đa dạng về chủng loại trong khi năng lực kiểm nghiệm tại địa phương có giới hạn, công tác định danh các loại hóa chất này chưa đáp ứng theo kịp thực tế.

- Công tác kiểm tra cấp chứng nhận đăng ký lĩnh vực, công nhận phù hợp theo TCVN 17025, chỉ định các phép thử phục vụ quản lý nhà nước còn chồng chéo; trong cùng một khoảng thời gian nhiều cơ quan quản lý tiến hành kiểm tra đánh giá cùng nội dung gây nhiều khó khăn trong hoạt động của phòng thí nghiệm.

II- Tình hình ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

1- Kết quả đạt được

- Công tác quản lý ngộ độc thực phẩm (NĐTP) đã được quan tâm nhiều hơn; các tỉnh đã thường xuyên tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý ATTP kỹ năng ứng phó và xử lý NĐTP, sự cố mất ATTP. Theo số liệu thống kê từ các tỉnh/thành phố mỗi năm trung bình cả nước có 137 vụ ngộ độc làm **3.814** người NĐTP/năm, số người chết do NĐTP trung bình 25 người/năm. Số vụ ngộ độc có chiều hướng giảm nhất là giai đoạn 2018 đến nay (*chi tiết tại Phụ lục 6 kèm theo*).

- Tình hình ngộ độc thực phẩm: NĐTP cấp tính cơ bản đã được kiểm soát nhưng nguy cơ vẫn còn cao tại các khu công nghiệp, bếp ăn tập thể.

2- Tồn tại, hạn chế

- Nhận thức về đảm bảo ATTP ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế. Người dân vẫn còn có thói quen sử dụng cá nóc, ăn cóc, các loại nấm lạ,... làm thực phẩm. Do đó vẫn còn xảy ra vụ NĐTP do độc tố tự nhiên, có các trường hợp tử vong hoặc ảnh hưởng lớn đến sức khỏe. Tiềm ẩn mất vệ sinh ATTP còn tồn tại hiện hữu ở loại hình kinh doanh nhỏ lẻ, kinh doanh thức ăn đường phố rất khó quản lý, diễn biến phức tạp khó lường. Vẫn còn một số vụ ngộ độc không tìm được nguyên nhân gây NĐTP do không lấy được mẫu bệnh phẩm, mẫu thực phẩm để kiểm nghiệm.

- Công tác điều tra NĐTP phức tạp và gặp nhiều khó khăn, như một số cán bộ y tế còn yếu trong kỹ năng điều tra, định hướng nguyên nhân gây ra các vụ ngộ độc, nhiều loại vi sinh vật khởi phát độc tố chậm, thời điểm này khi bệnh

nhân bắt đầu nhập viện và báo cho cơ quan chức năng để tiến hành điều tra ngộ độc thì đã hết mẫu lưu thực phẩm hoặc mẫu thức ăn, ngoài ra thời gian ủ bệnh kéo dài gây khó khăn cho việc xác định cơ sở nguyên nhân vì người bệnh đã ăn ở nhiều cơ sở khác nhau.

- Ngộ độc thực phẩm mãn tính khó lượng hoá và đánh giá do phải nghiên cứu, đánh giá trong thời gian dài. Các quy định về giới hạn vi sinh vật, độc tố tự nhiên có trong thực phẩm chưa đầy đủ, dẫn đến việc kết luận tác nhân gây ngộ độc gặp nhiều khó khăn.

- Một số địa phương thiếu nhân lực, vật lực trong thực hiện công tác an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm, dẫn đến công tác kiểm tra, đồn đốc, giám sát, đặc biệt là đối với hoạt động giám sát nguyên liệu đầu vào, sự phối hợp trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc thực phẩm gây ngộ độc, nhất là tuyến cơ sở còn gặp khó khăn.

III- Công tác phân tích nguy cơ đối với ATTP

1- Kết quả đạt được

- Các bộ đã ban hành nhiều quy định về phân tích nguy cơ; truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm; quy định về giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật; trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Để kiểm soát ATTP hiệu quả trong toàn bộ chuỗi sản xuất kinh doanh thực phẩm, Bộ NN&PTNT đã chỉ đạo lập hồ sơ xác định các mối nguy ATTP cần tập trung kiểm soát trong sản xuất kinh doanh thực phẩm đối với một số nhóm sản phẩm có nguy cơ cao, đang có nhiều bức xúc trong dư luận xã hội về ATTP (rau, quả, thịt lợn, thịt gà, tôm nuôi, cá nuôi) và tổ chức phổ biến, đào tạo đến cơ sở sản xuất kinh doanh và cơ quan chức năng. Trong giai đoạn 2011-2021, Bộ NN&PTNT tiếp tục duy trì các Chương trình giám sát ATTP đối với các vùng nuôi thủy sản tập trung trên phạm vi cả nước²⁸; triển khai việc điều tra và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản không đảm bảo an toàn theo Thông tư số 74/2011/TT-BNNPTNT, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị chức năng kiểm tra, xác minh, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về các sự cố ATTP. Các sai phạm đã được xác minh, xử lý và hoạt động giám sát, kiểm tra sau đó của các địa phương đã được tăng cường nhằm ngăn chặn tái phạm. Kết quả giám sát trên diện rộng các sản phẩm nông lâm thủy sản giai đoạn 2011-2021 được thực hiện bởi các cơ quan trung ương cho thấy tỷ lệ mẫu rau, củ, quả tươi, sơ chế, thịt tươi các loại, thủy sản nuôi đáp

²⁸ như Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi, Chương trình giám sát vệ sinh, an toàn trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ; các Chương trình giám sát ATTP nông lâm thủy sản trong sản xuất, chế biến, lưu thông trên thị trường; giám sát tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong rau và chất cấm, kháng sinh trong thịt, thủy sản theo hướng dẫn của Ủy ban thực phẩm quốc tế (CODEX)

ứng yêu cầu về ATTP có xu hướng cải thiện, tuy nhiên sự cải thiện còn chậm, không ổn định và chưa bền vững.

- Tại các địa phương, công tác kiểm soát, phối hợp điều tra, xét nghiệm xác định các mối nguy đối với ATTP thuộc các nhóm tác nhân về vi sinh, hoá học và vật lý trong kinh doanh dịch vụ ăn uống và các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm khác được quan tâm thực hiện, đặc biệt là sử dụng testkit kiểm tra nhanh thực phẩm đối với các sản phẩm có nguy cơ cao. Việc truyền thông về nguy cơ đối với ATTP như cung cấp thông tin về các biện pháp phòng tránh khi xảy ra các vụ NĐTP, bệnh truyền qua thực phẩm do thực phẩm mất an toàn đồng thời thông báo, cảnh báo nguy cơ ATTP và các bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn. Bên cạnh đó, địa phương luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong việc trao đổi thông tin giữa các ngành, các cấp để nắm thông tin tình hình dịch bệnh, các loại sâu bệnh theo mùa vụ và nắm thông tin các loại thuốc kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y cũng như các hóa chất cấm thường sử dụng trong sản xuất nông nghiệp để cảnh báo và ngăn chặn kịp thời.

2- Tồn tại, hạn chế

- Việc lấy mẫu thực phẩm để kiểm nghiệm, giám sát, phân tích các nguy cơ gây mất ATTP tại cấp huyện, cấp xã chưa được quan tâm đúng mức; kinh phí còn hạn hẹp nên chưa phản ánh được đúng thực trạng về ATTP trên địa bàn quản lý. Năng lực định danh, kiểm nghiệm các hoá chất độc hại của các Phòng Kiểm nghiệm còn thấp, chưa phát triển theo kịp với nhu cầu hiện nay. Việc xử lý sau khi phát hiện vi phạm còn khó khăn. Nguyên nhân, khi test nhanh, phát hiện mẫu dương tính, sau đó lấy mẫu gửi đơn vị chức năng để xét nghiệm. Thời gian gửi mẫu, xét nghiệm mẫu tương đối dài (7-10 ngày), gây khó khăn trong việc giải quyết vi phạm, thu hồi sản phẩm vi phạm kịp thời.

- Tình hình sử dụng chất cấm, lạm dụng hóa chất, chất bảo quản... trong sơ chế, chế biến thực phẩm ngày càng phức tạp. Việc lấy mẫu kiểm nghiệm, phân tích nguy cơ gây mất ATTP còn ít, chủ yếu tập trung vào các cơ sở có đăng ký kinh doanh nên chưa phản ánh đúng, đầy đủ thực trạng ATTP tại địa phương.

- Nhiều hoạt động trong kiểm soát nguy cơ gây mất ATTP chưa được thực hiện như: Điều tra mối nguy, thực hiện các giải pháp hạn chế nguy cơ ATTP trong từng công đoạn của chuỗi cung cấp thực phẩm. Công tác kiểm tra, giám sát tại các địa phương chỉ sử dụng test nhanh và việc áp dụng các quy định về ATTP tại cơ sở thực phẩm mang tính cảm quan, chưa có tính thuyết phục thực tế tại cơ sở.

- Nguồn kinh phí cho công tác giám sát hạn chế, việc gửi mẫu kiểm